



Lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam

Tóm tắt chính sách

Hà Nội, 2013



Tổng quan

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là thách thức lớn nhất cho phát triển bền vững tại Việt Nam. BĐKH ảnh hưởng đến phát triển kinh tế cũng như tạo ra các áp lực lên sinh kế của người dân Việt Nam. Sinh kế của một bộ phận lớn người dân, đặc biệt là người dân nông thôn, cũng như các lĩnh vực kinh tế-xã hội phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và dịch vụ hệ sinh thái. Các hệ sinh thái ở Việt Nam đã và đang bị suy thoái do những áp lực của hoạt động phát triển và sự suy thoái này sẽ nghiêm trọng hơn dưới các tác động của BĐKH. Trước những đe dọa hiện tại và ngày càng gia tăng của BĐKH, Chính phủ Việt Nam đang đứng trước những quyết định khó khăn để vừa phát triển kinh tế lại vừa có thể tăng cường khả năng chống chịu với các tác động của BĐKH của những cộng đồng có sinh kế phụ thuộc vào thiên nhiên.

Thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái (EbA) bao gồm những giải pháp dựa vào tự nhiên để giảm tổn thương trước BĐKH của con người, đồng thời tạo ra những lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường. Mặc dù các đối thoại về EbA đã nhận được sự quan tâm ngày càng nhiều của cộng đồng quốc tế và khu vực, nhưng khái niệm EbA vẫn đang ở giai đoạn phát triển ban đầu. Hiện chỉ có một số tài liệu hướng dẫn xây dựng và thực hiện hiệu quả các giải pháp EbA. Nhằm đáp ứng nhu cầu của Việt Nam, Ngân hàng Thế Giới (WB), Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) và Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên môi trường (ISPONRE), thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) đã phối hợp xây dựng khung hướng dẫn kỹ thuật "Xây dựng và thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam". Hướng dẫn được xây dựng dựa trên quá trình tham vấn với nhiều cơ quan chuyên môn trong nước và quốc tế và nghiên cứu thử nghiệm tại các huyện ven biển của tỉnh Bến Tre.

Tóm tắt chính sách này đưa ra những thông điệp chính liên quan đến việc áp dụng các giải pháp EbA tại Việt Nam, cung cấp hướng dẫn cho việc lồng ghép và nhân rộng các giải pháp EbA trong quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch tại Việt Nam.

Biến đổi khí hậu tác động đến quá trình phát triển kinh tế tại Việt Nam cũng như đặt ra nhiều thách thức cho Chính phủ.

Thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái đưa ra những giải pháp ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời cũng mang lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế - xã hội.



Tại sao chọn Việt Nam để áp dụng EbA?



©Vu Long

“**Hệ sinh thái cung cấp nhiều dịch vụ cho con người và nền kinh tế, từ dịch vụ cung cấp như nước và lương thực; dịch vụ điều tiết như điều tiết khí hậu, kiểm soát bệnh dịch và điều tiết nước; dịch vụ văn hóa như các điểm vui chơi giải trí; và dịch vụ hỗ trợ như cấu thành đất, năng suất sơ cấp, và cung cấp môi trường sống (Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ 2005).**”

Là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi BĐKH, Việt Nam đã và đang gánh chịu những tác động từ BĐKH, dự kiến sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong thế kỷ tới, đe dọa tới phần lớn dân số và các hệ sinh thái có

giá trị của đất nước. Là quốc gia có đường bờ biển dài, vị trí địa lý và địa hình đa dạng, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai nhất, đặc biệt là lốc xoáy, bão nhiệt đới và lũ lụt¹. Trong 50 năm trở về đây, nhiệt độ trung bình năm của Việt Nam đã tăng lên 0.5°C và mực nước biển cũng tăng khoảng 20cm². Với mật độ dân số cao và ngành nghề quan trọng tập trung tại đồng bằng và những vùng đất trũng ven biển, nếu mực nước biển dâng cao 1m, sẽ có khoảng 39% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, hơn 10% đồng bằng sông Hồng, khoảng 2.5% vùng ven biển Miền Trung, và hơn 20% diện tích Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bị ngập, gây ảnh hưởng trực tiếp tới hàng ngàn người dân và gây thiệt hại kinh tế nặng nề³.

Những người dân có sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và những dịch vụ hệ sinh thái sẽ là những đối tượng chịu rủi ro cao nhất.

Những lĩnh vực chủ yếu như nông nghiệp, đánh bắt thủy sản và du lịch giúp duy trì nền kinh tế cũng như sinh kế của đại bộ phận người dân Việt Nam. Đồng bằng sông Cửu Long là nơi cư trú của hơn 18 triệu người dân, chiếm hơn 50% tổng sản lượng gạo và khoảng 60% sản lượng thủy sản của cả nước⁴. Nhìn chung, các hệ sinh thái biển và ven biển Việt

Nam đóng góp khoảng 5.3 triệu tấn thủy sản mỗi năm, và cung cấp 47% nhu cầu chất đạm cho dân số cả nước. Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu tại Đại học Cần Thơ đã dự đoán, đến năm 2030, ngoài tác động từ hạn hán do lượng mưa suy giảm, các tỉnh thành thuộc đồng bằng sông Cửu Long sẽ thường xuyên bị lũ lụt tàn phá.

Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị ảnh hưởng nhất tại Châu Á do tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng.

Những lĩnh vực có năng suất cao tại Việt Nam như đánh bắt thủy sản, sản xuất lúa gạo, đang phụ thuộc chủ yếu vào nguồn tài nguyên thiên nhiên dễ bị tổn thương bởi khí hậu, dự kiến sẽ chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu.

EbA sử dụng đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái như là một phần của chiến lược thích ứng tổng thể nhằm giúp con người thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu⁵. Thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái⁶ chỉ ra mối quan hệ không thể tách rời giữa con người và hệ sinh thái và do vậy cần có sự liên kết chặt chẽ giữa hai yếu tố sinh thái– xã hội (SES)⁷. Nếu những dịch vụ hệ sinh thái có liên quan tới những cộng đồng, lĩnh vực cụ thể - ví dụ như đánh bắt thủy sản hay trồng trọt – thì những chiến lược thích ứng cần chỉ ra được tính dễ bị tổn thương của cả con người và các hệ sinh thái trong cùng một thời điểm và xem xét mối liên kết giữa chúng⁸.

EbA áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên để đem lại những lợi ích cho cộng đồng từ các hoạt động thích ứng đồng thời bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

¹Ngân hàng Thế giới, 2011.

²Kịch bản BĐKH và nước biển dâng, Bộ TN&MT, 2012.

³Kịch bản BĐKH và nước biển dâng, Bộ TN&MT, 2012.

⁴Quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia, Bộ TN&MT, 2013.

⁵Công ước Đa dạng sinh học, 2013

⁶Berkes và Folkes, 2003

⁷SES: Hệ thống con người – môi trường mà các yếu tố vật lý – sinh học (tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái và dịch vụ hệ sinh thái) và các yếu tố xã hội (con người, xã hội, kinh tế) ảnh hưởng lẫn nhau về mặt bền vững và khả năng phục hồi.

⁸Locatelli, 2008.

Khung hướng dẫn

Giải pháp để xây dựng và thực hiện thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam



©WWF-Viet Nam

Khung hướng dẫn EbA cung cấp hướng dẫn kỹ thuật về việc xem xét và xây dựng các giải pháp EbA nhằm tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng và hệ sinh thái. Khung hướng dẫn bao gồm ba giai đoạn chính, tập trung chủ yếu vào việc xây dựng và thực hiện các giải pháp EbA và một số hướng dẫn lồng ghép EbA vào trong quá trình lập quy hoạch và xây dựng chính sách. Cụ thể như sau:

Giai đoạn 1: Đánh giá tính dễ bị tổn thương của hệ thống sinh thái - xã hội.

Giai đoạn 2: Phân tích và xác định mức độ ưu tiên của các giải pháp EbA.

Giai đoạn 3: Thực hiện, giám sát và đánh giá các giải pháp EbA.

Ngoài ra, khung hướng dẫn còn cung cấp những khuyến nghị lồng ghép các giải pháp EbA vào quá trình xây dựng quy hoạch và kế hoạch tại Việt Nam.

Đối tượng sử dụng của khung hướng dẫn là các nhà hoạch định chính sách và những đối tượng khác với mục tiêu lồng ghép các giải pháp EbA vào quá trình xây dựng hoặc sửa đổi quy hoạch, kế hoạch tại Việt Nam.

Việc triển khai thí điểm đánh giá tính dễ bị tổn thương và xây dựng các giải pháp thích ứng cho các huyện ven biển tại tỉnh Bến Tre đã đưa ra nhiều bài học quan trọng cho việc nhân rộng các giải pháp EbA. Những bài học chính từ quá trình thí điểm sẽ giúp nhân rộng việc áp dụng EbA ở các tỉnh khác tại Việt Nam, bao gồm:

- Có sự quan tâm mạnh mẽ của các tỉnh khác trong việc thực hiện EbA dựa trên kết quả thí điểm tại tỉnh Bến Tre. Do đó, việc thể chế hóa khung hướng dẫn là rất cần thiết để thúc đẩy việc áp dụng khung hướng dẫn. Đồng thời, cần tăng cường nhận thức, xây dựng năng lực và chuyển giao kiến thức.
- Do EbA còn là một khái niệm tương đối mới đối với cộng đồng. Do đó, việc trao đổi và hướng dẫn thực hiện các giải pháp EbA cần phải đơn giản, dễ hiểu và “trực quan”.
- Việc xác định khung thời gian và nguồn lực cụ thể cho việc thực hiện EbA, phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể của khu vực lựa chọn.

Hướng dẫn này giúp các nhà hoạch định chính sách, và những ai quan tâm trong việc xem xét, đánh giá và thực hiện các giải pháp EbA.

Tính dễ bị tổn thương của cộng đồng và hệ sinh thái liên quan mật thiết với nhau, do đó cần được đánh giá đồng thời.

Để có được bức tranh toàn cảnh về tính dễ bị tổn thương của hệ thống sinh thái-xã hội, cần phải đánh giá tính dễ bị tổn thương của cả hệ sinh thái và cộng đồng trong những kịch bản biến đổi khí hậu khác nhau bao gồm các đe dọa từ biến đổi khí hậu hiện tại và trong tương lai. Tính dễ bị tổn thương của hệ

sinh thái và cộng đồng có liên quan chặt chẽ với nhau, khi HST bị tổn thương sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng và ngược lại. Điều này chỉ ra mối tương quan phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ sinh thái và cộng đồng trong bối cảnh phát triển và BĐKH theo thời gian. Ví dụ, rừng ngập mặn có vai trò quan trọng trong sinh kế và thu nhập của người dân ven biển, là nơi cung cấp thức ăn, nơi cư trú của rất nhiều loài động vật, trong đó có nhiều loài tôm, cá có giá trị kinh tế cao. Đây còn là nơi cung cấp các dịch vụ như lương thực, dược liệu, vật liệu xây dựng...

**Giai đoạn 1:
Đánh giá tính dễ bị tổn thương của hệ thống sinh thái - xã hội**

Rủi ro từ biến đổi khí hậu cũng như những rủi ro khác ngoài khí hậu cũng cần được tính đến trong đánh giá tính dễ bị tổn thương.

Nhằm đảm bảo các giải pháp thích ứng giải quyết được tất cả các rủi ro, đánh giá tính dễ bị tổn thương phải xem xét cả những rủi ro liên quan (và không liên quan) đến biến đổi khí hậu, và những áp lực làm tăng tính dễ bị tổn thương của cộng đồng và hệ sinh thái. Các hoạt động thiếu bền vững bao gồm chuyển đổi loại hình sử dụng đất không bền vững và các hoạt động phát triển có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương của xã hội và hệ sinh thái trước các tác động biến đổi khí hậu. Ví dụ, việc xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng và gia tăng mức độ thâm canh trong nuôi tôm đã làm tăng mức độ suy thoái của hệ sinh thái vùng ngập lũ và vùng ven biển.

Phân tích kịch bản nhằm đánh giá tính dễ bị tổn thương trong tương lai qua các hoạt động quản lý khác nhau, nhằm lựa chọn giải pháp thích ứng phù hợp.

Tiến hành phân tích các kịch bản tương lai như một phần của đánh giá tính dễ bị tổn thương có thể hỗ trợ trong việc xác định các đối tượng dễ bị tổn thương và các hoạt động quản lý cần thiết để ứng phó với các tổn thương trong tương lai. Phân tích kịch bản là một phân tích sơ bộ để xem xét một số giải pháp thích ứng liên quan tới công trình cứng (như đê - một trong những giải pháp thường được áp dụng tại Việt Nam), hoặc những giải pháp EbA. So sánh các giải pháp này thông qua những kịch bản khác nhau sẽ hỗ trợ trong việc đánh giá xem có cần áp dụng giải pháp EbA ngay từ giai đoạn đầu tiên hay không. Ví dụ tại tỉnh Bến Tre, thông qua việc phân tích kịch bản sử dụng các mô hình khác nhau đã xác

định được việc áp dụng các giải pháp EbA hiệu quả hơn hoặc ít nhất cũng tương đương so với các giải pháp công trình cứng trong việc giảm tính dễ bị tổn thương ở khu vực ven biển và giảm độ cao của sóng.

Phân tích chi phí-hiệu quả giúp các nhà hoạch định chính sách so sánh các giải pháp thích ứng và đưa ra quyết định phù hợp nhất.

Phân tích chi phí-hiệu quả (CEA) cung cấp phương pháp tính toán và so sánh chi phí-hiệu quả của các giải pháp EbA với các giải pháp thích ứng khác nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách lựa chọn quyết định hiệu quả nhất về mặt chi phí. Việc đánh giá các giải pháp EbA và các giải pháp thay thế khác sẽ hỗ trợ trong việc xác định liệu các giải pháp EbA có thật sự hiệu quả về mặt chi phí so với các giải pháp khác hay không. Bên cạnh việc đánh giá chi phí-hiệu quả, các tiêu chí về xã hội và môi trường cũng cần được xem xét trong việc xác định ưu tiên và lựa chọn các giải pháp thích ứng.

**Giai đoạn 2:
Phân tích và xác định mức độ ưu tiên của các giải pháp EbA**

Các giải pháp EbA luôn đạt chi phí-hiệu quả cao nhất, cả khi đóng vai trò độc lập lẫn phối hợp cùng các giải pháp khác.

Các giải pháp EBA, cả khi thực hiện độc lập lẫn phối hợp với các giải pháp thích ứng khác thường đạt được hiệu quả về mặt chi phí cao hơn. Tại tỉnh Bến Tre, phân tích chi phí-hiệu quả đã chỉ ra rằng việc kết hợp giải pháp EbA (hệ sinh thái rừng ven biển), so với việc xây dựng đê biển chống bão không những giảm chi phí mà còn tăng sự kiên cố cho hệ thống đê điều. (Hộp 1)

Hộp 1. Ví dụ về phân tích chi phí-hiệu quả tại tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Phân tích chi phí-hiệu quả được tiến hành dựa trên hai kịch bản về nước biển dâng⁹:

(1) Kịch bản biến đổi khí hậu thấp với mực nước biển dâng là 12cm: So sánh giải pháp EbA với các giải pháp công trình cứng.

(2) Kịch bản biến đổi khí hậu cao với mực nước biển dâng là 33cm: So sánh giải pháp kết hợp giữa EbA và các giải pháp công trình cứng, với việc áp dụng các giải pháp công trình cứng một cách riêng lẻ.

Mức chiết khấu 10% được áp dụng và công cụ đo mức độ hiệu quả là số người dân được bảo vệ khỏi tình trạng nước biển dâng.

Kết quả: Trong kịch bản biến đổi khí hậu thấp, chi phí tài chính trung bình trên đầu người để xây dựng đê phòng tránh lũ lụt (giải pháp cứng) do biến đổi khí hậu gây ra tại tỉnh Bến Tre là khoảng 138.8 triệu đồng/người trong khi con số này là 1.7 triệu đồng/người khi áp dụng các giải pháp EbA. Về mặt chi phí kinh tế, các giải pháp EbA tiết kiệm được hơn 100% so với giải pháp xây dựng đê. Trong kịch bản biến đổi khí hậu cao, chi phí tài chính trung bình trên đầu người thông qua xây dựng đê và kết hợp giải pháp EbA trong phòng tránh lũ lụt do biến đổi khí hậu gây ra tại tỉnh Bến Tre là khoảng 128.6 triệu đồng/người, cao hơn không đáng kể so với áp dụng chỉ xây dựng đê (khoảng 126.6 triệu đồng/người). Tuy nhiên, về mặt chi phí kinh tế, việc kết hợp xây dựng đê và kết hợp giải pháp EbA tiết kiệm được khoảng 25% so với chỉ xây dựng đê.

Giai đoạn 3: Thực hiện các giải pháp EbA và khuyến nghị các nguyên tắc cho giám sát và đánh giá

Không nhất thiết phải thực hiện EbA một cách đơn lẻ, riêng biệt. Các giải pháp EbA có thể được xem xét và thực hiện cùng với các giải pháp cứng, giải pháp mềm và các giải pháp ứng phó thích ứng dựa vào cộng đồng. Ví dụ, EbA luôn cần được hỗ trợ bởi các giải pháp liên quan đến chính sách và thể chế (còn gọi là các giải pháp mềm). Tại các kịch bản rủi

Các giải pháp EbA như là một phần của chiến lược tổng thể, và có thể bổ sung cho các giải pháp thích ứng khác.

ro cao, các biện pháp thích ứng, bao gồm cả giải pháp công trình cứng và giải pháp mềm như đê biển, kênh tưới tiêu, tái định cư các cộng đồng có nguy cơ rủi ro cao cần được xem xét một cách kỹ lưỡng và lồng ghép vào các giải pháp EbA khi cần thiết.

Lập kế hoạch và thực hiện EbA đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành/lĩnh vực và các đơn vị liên quan. EbA ảnh hưởng tới quá trình ra quyết định quan trọng về sử dụng đất (ví dụ khu vực bảo tồn hoặc phục hồi rừng ngập mặn có thể xung đột với khu vực dự kiến xây dựng đường giao thông) và việc triển khai/chuyển đổi các loại hình sử dụng đất phải đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái được bảo vệ. Tại Việt Nam, các cơ quan ở nhiều ngành/lĩnh vực khác nhau như quản lý tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nước, sử dụng đất cấp tỉnh (thuộc trách nhiệm quản lý của Sở TN&MT), nông nghiệp và cơ sở hạ tầng nông thôn cấp tỉnh (thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), quy hoạch phát triển cấp tỉnh đặc biệt là quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội (thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư) cần phối hợp chặt chẽ để triển khai EbA với sự hỗ trợ của các Bộ, ngành liên quan ở cấp quốc gia.

EbA nên được thực hiện đa ngành, với sự tham gia của tất cả các Bộ, ngành liên quan.

Việc giám sát là cần thiết nhằm đảm bảo EbA hoặc bất kỳ các biện pháp thích ứng khác đạt hiệu quả như mong muốn hoặc cần có các điều chỉnh phù hợp và việc triển khai thành công các giải pháp EbA sẽ được ghi nhận.

Giám sát và đánh giá các sáng kiến thích ứng đóng vai trò quan trọng đảm bảo nhân rộng sự thành công của các sáng kiến và tránh được các tác động tiêu cực không được dự báo trước. Đồng thời, việc giám sát trạng thái của các hệ sinh thái trong việc ứng phó với tác động của BĐKH cũng rất quan trọng.

Giám sát và đánh giá giúp tăng cường việc thực hiện và quản lý các giải pháp EbA theo thời gian và thông tin cho việc xây dựng các giải pháp ứng phó tương tự trong tương lai.

⁹Sở TN&MT tỉnh Bến Tre, 2010: Kịch bản BĐKH tỉnh Bến Tre, Văn phòng thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia về BĐKH tỉnh Bến Tre.

Giám sát và đánh giá các sáng kiến thích ứng đóng vai trò quan trọng đảm bảo nhân rộng sự thành công của các sáng kiến và tránh được các tác động tiêu cực không được dự báo trước. Đồng thời, việc giám sát trạng thái của các hệ sinh thái trong việc ứng phó với tác động của BĐKH cũng rất quan trọng. Việt Nam có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai bao gồm quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng. Các bài học kinh nghiệm từ quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai có thể được áp dụng như một phần của các giải pháp EbA.

Bài học từ kinh nghiệm giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai có thể đưa vào xây dựng và thực hiện EbA.

Ví dụ:

- Các hệ thống thông tin quản lý rủi ro có hiệu quả cao trong quản lý rủi ro thiên tai, hỗ trợ cộng đồng trong việc cải thiện năng suất và tăng cường khả năng phục hồi trước thiên tai.
- Các sáng kiến quản lý/giảm nhẹ thiên tai thành công thường sử dụng các cơ sở, kỹ thuật sẵn có tại địa phương như hệ thống đê phát thanh, hệ thống cảnh báo sớm hay điện thoại di động. Là một phần của các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, EbA có thể sử dụng các công nghệ sẵn có tại địa phương để tạo ra nhận thức về các thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu và quản lý bền vững hệ sinh thái.
- Mạng lưới truyền thông quốc gia để chia sẻ các công cụ, kiến thức và phương pháp tiếp cận hữu ích về quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Cập nhật và phân tích các tổn thương khí hậu trong tương lai và vai trò của hệ sinh thái trong quản lý/ giảm nhẹ rủi ro thiên tai cần được phát huy. Diễn đàn hợp tác thích ứng với BĐKH và quản lý giảm nhẹ rủi ro thiên tai (CCA-DRRM) là một trong những kênh quan trọng để quản lý/giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thực hiện các giải pháp EbA.



Khuyến nghị và hướng dẫn

Lồng ghép EbA vào xây dựng quy hoạch phát triển bền vững



©Vu Ngọc Long

Việt Nam có cơ sở tốt về các chính sách và chương trình liên quan đến BĐKH, cung cấp các điểm khởi đầu để lồng ghép EbA, bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH, Chiến lược quốc gia về BĐKH và Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH cấp tỉnh, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh. Ngoài ra, EbA là khái niệm liên ngành, đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Do đó, EbA cần được xem xét trong quy hoạch của một số ngành liên quan như lâm nghiệp, nông nghiệp, năng lượng, tài nguyên nước, cơ sở hạ tầng,... Trong đó, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội là một trong những quy hoạch quan trọng nhất cần được lồng ghép các vấn đề BĐKH và các giải pháp EbA. Đồng thời, cần đảm bảo sự tham gia của các Bộ ngành, cơ quan trong các đối thoại và hợp tác liên quan đến lồng ghép EbA để đảm bảo các hệ sinh thái quan trọng sẽ được duy trì và bảo vệ khi thực hiện các mục tiêu phát triển khác nhau.

Lồng ghép EbA trong các quy hoạch và chính sách hiện hành rất cần thiết để đảm bảo EbA được xem xét và thực hiện ở cấp quốc gia và cấp địa phương.

Có thể lồng ghép EbA ở các cấp quy hoạch. Để đảm bảo rằng khả năng phục hồi của cộng đồng, đặc biệt là người nghèo được tăng cường thông qua việc quản lý bền vững tài nguyên, EbA cần được xem xét ở mọi cấp độ.

Lồng ghép cần thực hiện ở tất cả các cấp quy hoạch

Thể chế hóa khung hướng dẫn và phương pháp áp dụng cho EbA. Thông thường, các cơ quan khác nhau có xu hướng sử dụng dữ liệu và phương pháp EbA khác nhau. Nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, bao gồm các cơ quan Liên Hợp Quốc và Ngân hàng đa phương đều quan tâm đến việc hỗ trợ thực hiện EbA tại Việt Nam. Khung hướng dẫn EbA do ISPONRE phối hợp với WWF và Ngân hàng Thế giới xây dựng sẽ cung cấp một phương pháp đánh giá EbA ở cấp độ địa phương.

Việc thể chế hóa khung hướng dẫn và phương pháp luận sẽ hỗ trợ lồng ghép EbA trong các quá trình lập quy hoạch khác nhau

Đầu tư vào nghiên cứu trọng điểm và tăng cường năng lực. Tại Việt Nam, năng lực liên quan đến BĐKH và EbA ở cấp quốc gia đã bước đầu hình thành. Tuy nhiên, ở cấp địa phương, cần tăng cường năng lực trong lĩnh vực nhận thức về biến đổi khí hậu, các vấn đề thích ứng và EbA. Một số ví dụ cần tập trung đào tạo bao gồm: (a) Tăng cường năng lực cho các cán bộ cấp tỉnh (các nhà hoạch định chính sách và chuyên viên kỹ thuật của Sở TN&MT và Sở NN&PTNT, Sở KH&ĐT) về dịch vụ hệ sinh thái/sử dụng dịch vụ hệ sinh thái và thích ứng với BĐKH; (b) Đào tạo về quy hoạch dài hạn bao gồm quy hoạch không gian và xây dựng kịch bản; (c) Đào tạo về các công cụ kinh tế để lượng giá các dịch vụ hệ sinh thái,...

Cần thiết đầu tư vào tăng cường năng lực để tạo ra một môi trường thuận lợi để thực hiện EbA

Các điểm khởi đầu cho việc lồng ghép EbA và các cơ quan chịu trách nhiệm

Các ngành/lĩnh vực liên quan	Các chính sách, chiến lược liên quan	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Ví dụ về giải pháp EbA	
Quản lý tài nguyên và môi trường	Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh	Sở TN&MT	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng khôn khéo đất ngập nước Quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng Bảo vệ môi trường 	
Bảo tồn đa dạng sinh học	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh	Sở TN&MT	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập các khu bảo tồn mới Tạo các “hành lang xanh” Tăng cường thực thi pháp luật 	
Sử dụng đất	Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh	Sở TN&MT	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển/phân bổ lại các công trình công cộng vào các khu vực an toàn, ít bị tổn thương. 	
Nông nghiệp	Kế hoạch và đầu tư	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh	Sở KH&ĐT	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng xanh Đầu tư vào nguồn vốn tự nhiên
		Kế hoạch phát triển nông nghiệp	Sở NN&PTNT	<ul style="list-style-type: none"> Canh tác nông nghiệp thích ứng với BĐKH
		Kế hoạch phát triển, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản	Sở NN&PTNT	<ul style="list-style-type: none"> Phục hồi nguồn lợi thủy sản Quản lý nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng Khuyến khích canh tác bền vững và có trách nhiệm trong khai thác và nuôi trồng thủy sản.
		Quy hoạch phát triển rừng	Sở NN&PTNT	<ul style="list-style-type: none"> Phục hồi rừng ngập mặn ven biển Tăng cường quản lý và bảo vệ rừng.
		Quy hoạch phát triển thủy lợi	Sở NN&PTNT	<ul style="list-style-type: none"> Các hệ thống tưới nước tiết kiệm, thu gom và lưu trữ nước mưa.

Lồng ghép EbA vào các quy hoạch và sáng kiến về quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Thích ứng với BĐKH liên quan mật thiết với quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Các khái niệm này cần được xem xét một cách đồng bộ. Việt Nam có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Những người nghèo ở nông thôn đặc biệt chịu nhiều tổn thương do thiên tai, khi họ sinh sống ở các khu vực nguy hiểm và trong điều kiện không thuận lợi, thiếu tài chính, nguyên liệu và nguồn lực kỹ thuật cũng như các mạng lưới xã hội cần thiết để ứng phó với BĐKH¹⁰. Việt Nam là một trong các quốc gia đi đầu trong việc quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, nơi mà phương pháp tiếp cận tăng cường năng lực đã sẵn sàng để tích hợp với đầu tư giảm thiểu rủi ro mang tính hệ thống ở cả cấp tỉnh và cộng đồng. EbA có thể bổ sung vào các hoạt động này trong bối cảnh các cộng đồng nghèo tại khu vực nông thôn dễ bị tổn thương do các tác động của biến đổi khí hậu.

Tăng cường quản lý và giảm thiểu rủi ro thiên tai và EbA để xây dựng khả năng phục hồi đối với biến đổi khí hậu hiện tại và tương lai.

¹⁰ Mạng lưới học tập phát triển toàn cầu Châu Á – Thái Bình Dương, 2013, Các hội thảo khoa học học tập kinh nghiệm năm 2013, “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Bài học kinh nghiệm và Định hướng trong tương lai”.

